

Số: 306 /SGD&ĐT-GDTrH  
V/v Kết quả Hội thảo đánh giá  
thực trạng dạy học tiếng Anh  
ở các trường THPT

Bến Tre, ngày 23 tháng 3 năm 2009

Kính gửi : Các trường Trung học phổ thông.

Ngày 19 tháng 3 năm 2009, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội thảo đánh giá thực trạng việc dạy và học môn tiếng Anh cấp THPT trong bối cảnh chương trình, sách giáo khoa mới môn tiếng Anh đang được thực hiện ở lớp 12 và học sinh chuẩn bị thi tốt nghiệp THPT năm đầu tiên với chương trình, sách giáo khoa mới này.

**- Thành phần tham dự :**

Theo công văn số 200/SGD&ĐT-GDTrH ngày 02/3/2009 của Sở GD&ĐT, thành phần tham dự Hội thảo gồm 01 Phó Hiệu trưởng và 01 giáo viên cốt cán môn tiếng Anh đối với mỗi trường THPT và 11 giáo viên tổ mạng lưới chuyên môn tiếng Anh cấp THPT (*dự kiến 72 đại biểu*). Số đại biểu tham dự là 62 (*vắng 10, không báo lý do*). Các trường THPT sau cử không đủ số lượng đại biểu tham dự (*chỉ cử 01 đại biểu là giáo viên tiếng Anh*):

1. THPT Nguyễn Thị Minh Khai
2. THPT Phan Thanh Giản
3. THPT Nguyễn Trãi
4. THPT Nguyễn Huệ
5. THPT Châu Thành B
6. THPT Lê Quý Đôn
7. THPT Nguyễn Ngọc Thăng
8. THPT Nguyễn Thị Định

Vắng mặt 02 giáo viên tổ mạng lưới chuyên môn thuộc trường THPT Chợ Lách A và trường THPT Nguyễn Đình Chiểu.

**- Mục đích, yêu cầu và nội dung:**

- Đánh giá được thực trạng dạy học bộ môn tiếng Anh ở các trường THPT.
- Tìm hiểu nguyên nhân chất lượng dạy học bộ môn tiếng Anh cấp THPT còn nhiều yếu kém.
- Đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

Sau đây là một số kết quả ghi nhận được qua các báo cáo tham luận và các ý kiến phát biểu tại Hội thảo:

**1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH Ở CÁC TRƯỜNG THPT.**

**1.1. Đổi mới phương pháp dạy-học.**

**1.1.1 Giáo viên**

**\* Thuận lợi:**

- Hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh giữa thầy và trò ngày càng được tăng cường, giáo viên chú trọng phương pháp giao tiếp trong việc tổ chức các hoạt động dạy-học trên lớp như: pairwork, group work, role-play, information gap, debate, interview...

- Giáo viên thường xuyên dự giờ, rút kinh nghiệm và trao đổi với đồng nghiệp về các tiết dạy khó, mạnh dạn thiết kế lại hoạt động trong từng kĩ năng cho phù hợp với từng đối tượng học sinh thông qua các buổi thao giảng liên trường, tổ chuyên môn.
- Với sách giáo khoa mới, giáo viên có điều kiện sử dụng tiếng Anh để giúp cho học sinh rèn luyện 4 kĩ năng: nghe, nói, đọc hiểu, viết.
- Kiến thức xã hội-văn hóa và các hoạt động học tập của sách giáo khoa phân ban được cập nhật và hướng tới việc rèn luyện 4 kĩ năng nên giáo viên cố nhiều cơ hội tổ chức các hoạt động giúp học sinh hứng thú học tập

**\* Hạn chế:**

- Chất lượng học tập môn tiếng Anh của học sinh rất thấp nên ảnh hưởng rất nhiều đến việc chuyển đổi từ phương pháp truyền thống sang phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, tính tự giác của học sinh, khả năng tự học, và tinh thần hợp tác trong các hoạt động nhóm hay cặp. Vì vậy giáo viên có quan niệm là tập trung dạy học sao cho học sinh hiểu bài và làm bài được trong kì thi tốt nghiệp THPT.
- Do các kiến thức ngôn ngữ và xã hội-văn hóa trong các đơn vị bài học có nhiều thông tin mới nên đòi hỏi giáo viên cần nhiều thời gian chuẩn bị cho bài giảng
- Do khối lượng kiến thức, nội dung cần cung cấp trong mỗi tiết dạy nhiều nên giáo viên không có nhiều thời gian để rèn luyện tất cả các kĩ năng giao tiếp.
- Lớp học khá đông nên việc kiểm tra hoạt động nhóm cặp gặp rất nhiều khó khăn, học sinh ỷ lại vào hoạt động của các em có học lực khá, giỏi.

**1.1.2 Học sinh:**

**\* Thuận lợi:**

- Học sinh ngày càng hứng thú với các tiết học do giáo viên tổ chức các hoạt động phù hợp, tạo không khí nhẹ nhàng vui vẻ trong giờ học và nhằm giúp cho học sinh ngày càng yêu thích bộ môn tiếng Anh.
- Học sinh hình thành thói quen học tập theo nhóm, chia sẻ thông tin trong cặp, nhóm.

**\* Hạn chế:**

- Trình độ học sinh trong 1 lớp học không đồng đều nên còn gặp nhiều hạn chế: học sinh khá giỏi làm việc nhiều hơn đối tượng học sinh yếu, kém.
- Ý thức học tập của một bộ phận học sinh chưa cao, kiến thức về bộ môn như từ vựng, cấu trúc để thực hành các hoạt động cặp nhóm còn hạn chế.
- Đối với học sinh lớp 12, học sinh không quan tâm nhiều đến các hoạt động rèn luyện kĩ năng giao tiếp do giáo viên tổ chức.
- Lượng kiến thức cung cấp trong 1 tiết học khá nhiều chỉ phù hợp với học sinh có học lực từ trung bình trở lên.
- Học sinh ỷ lại vào các nguồn sách tham khảo như sách học tốt, bài giải dẫn đến việc học sinh ít suy nghĩ, ít trao đổi với các bạn cùng nhóm.

**1.2 Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy học.**

- Thuận lợi của giáo viên tiếng Anh là dễ dàng truy cập Internet để tìm kiếm thông tin phục vụ cho bài giảng.
- Nhiều giáo viên sử dụng trình chiếu các bài giảng điện tử, hình ảnh, các đoạn video clip minh họa cho bài học

### **1.3 Đổi mới kiểm tra, đánh giá.**

- Việc kiểm tra, đánh giá đối với học sinh có nhiều đổi mới: nội dung ra đề kiểm tra tương đối bao quát các kiến thức học sinh đã được học; giáo viên căn cứ vào chuẩn kiến thức và chuẩn kỹ năng để ra đề kiểm tra phù hợp với nội dung chương trình, sách giáo khoa ; chú trọng tới phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu, viết trong các bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì
- Tuy nhiên, kỹ năng nói và nghe chưa được chú trọng nhiều trong các đề kiểm tra.
- Giáo viên còn lúng túng trong việc dung hòa giữa yêu cầu phải dạy và kiểm tra đủ 4 kỹ năng theo yêu cầu của việc dạy học ngoại ngữ và việc cho học sinh làm quen với hình thức kiểm tra trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn trong các bài kiểm tra học kì ở khối 12 và trong kì thi tốt nghiệp THPT.

### **1.4. Sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học.**

- Giáo viên có sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy trong các tiết dạy như: máy cassette, tranh ảnh tự làm, posters, bảng nhóm,...
- Từng bước sử dụng máy chiếu và powerpoint trong việc soạn giảng.
- Tuy nhiên ở một nơi, việc sử dụng thiết bị dạy học còn hạn chế do còn thiếu máy cassette hoặc chưa được tạo điều kiện thuận lợi.

### **1.5. Việc quản lý, chỉ đạo, theo dõi chuyên môn của Ban Giám hiệu và tổ chuyên môn.**

#### **1.5.1. Ban giám hiệu:**

- Kịp thời có các chỉ đạo chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng bộ môn dựa trên chỉ đạo của Bộ, Sở GD&ĐT và thực tế của đơn vị mình.
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện qui chế chuyên môn thông qua việc dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn.
- Hầu hết các trường đều tổ chức hội giảng, thao giảng ở tổ chuyên môn và liên trường.
- Tổ chức các lớp phụ đạo cho các đối tượng học sinh yếu kém. Tuy nhiên ở một số trường, còn thiếu phòng học nên gặp khó khăn trong việc tổ chức các lớp phụ đạo cho đối tượng học sinh yếu kém.
- Ở một số trường, chưa có sự quản lý, chỉ đạo cụ thể về chuyên môn của Ban Giám hiệu, không tổ chức tìm biện pháp để kéo giảm tỉ lệ học sinh yếu kém, thường giao khoán cho tổ chuyên môn và không có theo dõi, kiểm tra hoạt động của tổ chuyên môn trong việc xây dựng kế hoạch, tìm biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh.

#### **1.5.2. Tổ chuyên môn.**

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chương trình, soạn giảng của giáo viên trong tổ
- Trao đổi chuyên môn trong các buổi họp định kỳ để tìm giải pháp nâng cao chất lượng bộ môn tiếng Anh
- Khuyến khích giáo viên trong tổ làm thêm đồ dùng dạy học.

### **1.6. Kết quả học tập môn tiếng Anh.**

Tỉ lệ học sinh yếu, kém còn cao. Năm học 2007-2008, có 47,7% học sinh học yếu, kém môn tiếng Anh ở khối lớp 10 ; 46,3% ở khối lớp 11 và 41,4% ở khối lớp 12. Học kì I năm học 2008-2009, có 51,4% học sinh yếu, kém ở khối 10 ; 47,9% ở khối 11 và 49,2% ở khối 12 (*xem bảng tổng hợp dưới đây*).

Khối lớp	Năm học 2007-2008				Học kì I Năm học 2008-2009			
	G	K	TB	YK	G	K	TB	YK
10	5,1%	15,7%	31,5%	47,7%	5,4%	14,6%	28,6%	51,4%
11	3,4%	15,1%	35,2%	46,3%				
12	3,5%	15,0%	40,1%	41,4%	3,0%	14,0%	35,1%	47,9%
TC	4,1%	15,3%	35,2%	45,4%	4,9%	15,2%	30,7%	49,2%

## 2. TÌM HIỂU NGUYÊN NHÂN CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH CÒN NHIỀU YẾU KÉM.

### \* Học sinh:

- Năng lực môn tiếng Anh còn nhiều hạn chế khi vào lớp 10.
- Không ham thích học bộ môn tiếng Anh do học yếu, kém bộ môn này.
- Trình độ không đồng đều trong lớp.
- Không có thói quen tự học.
- Không thích nghi với khối lượng kiến thức của chương trình, sách giáo khoa mới (*còn nặng*) và mục tiêu dạy học 4 kỹ năng giao tiếp, trong khi điều kiện thực hành giao tiếp hầu như không có và thời gian rèn luyện kỹ năng trên lớp còn nhiều hạn chế do không có đủ thời gian.
- Lệ thuộc vào sách hướng dẫn (*xem sách hướng dẫn nên không học bài và làm bài tập ở nhà*).
- Một số học sinh chưa quen, chưa biết cách làm bài thi trắc nghiệm khách quan với 4 lựa chọn.

### \* Giáo viên:

- Một số giáo viên chưa có kinh nghiệm trong việc dạy học phân hóa phù hợp với đối tượng học sinh, nhất là trong điều kiện trình độ học sinh trong lớp không đồng đều.
- Một số giáo viên chưa xác định được trọng tâm bài dạy, chạy theo nội dung sách giáo khoa nên không có thời gian luyện tập cho học sinh về kiến thức, kỹ năng đã học.
- Một số giáo viên sử dụng y nguyên nội dung bài tập trong sách giáo khoa mà không hoặc không có khả năng biên soạn lại cho phù hợp với đối tượng học sinh của mình.

### \* Chương trình, sách giáo khoa, kiểm tra-đánh giá.

- Chênh giữa kiến thức trong sách giáo khoa, việc dạy học 4 kỹ năng và nội dung đề thi TN.THPT vốn chỉ tập trung vào đọc hiểu và đặt nặng về kiến thức ngôn ngữ.
- Chênh giữa khối lượng nội dung kiến thức trong chương trình, sách giáo khoa và yêu cầu rèn luyện kiến thức, kỹ năng so với thời lượng trên lớp.

### **3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC BỘ MÔN.**

Qua kết quả Hội thảo, Sở giáo dục và Đào tạo yêu cầu Ban Giám hiệu các trường THPT tổ chức thực hiện tốt một số yêu cầu dưới đây nhằm kéo giảm tỉ lệ học sinh học yếu, kém môn tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học bộ môn này trong thời gian tới.

#### **3.1. Về phương pháp dạy-học của giáo viên và học sinh.**

- Trong điều kiện trình độ tiếng Anh của học sinh trong lớp không đồng đều, giáo viên cần thiết kế bài giảng phù hợp đối tượng học sinh, chú ý đến đối tượng học sinh yếu kém; có thể biên soạn lại các bài tập, các hoạt động rèn luyện kiến thức, kỹ năng sao cho phù hợp với đối tượng học sinh mà vẫn đáp ứng được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của chương trình, sách giáo khoa.
- Đối với mỗi tiết dạy, trong xây dựng giáo án và giảng dạy trên lớp, cần phải xác định các nội dung nào là trọng tâm cần coi trọng để tập trung giảng dạy và rèn luyện, tránh chạy theo nội dung sách giáo khoa mà không dành thời gian thỏa đáng cho việc rèn luyện kiến thức, kỹ năng.
- Cần dạy cho học sinh phương pháp làm bài theo mỗi loại hình bài tập về kiến thức, kỹ năng và phương pháp tự học.
- Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tạo môi trường tiếng Anh để cho học sinh có điều kiện thực hành và rèn luyện vốn kiến thức đã học.
- Thường xuyên thảo luận phương pháp, kinh nghiệm dạy học trong tổ chuyên môn, tăng cường dự giờ, thao giảng để trao đổi kinh nghiệm chuyên môn.

#### **3.2. Về kiểm tra, đánh giá.**

Trong dạy học và kiểm tra thường xuyên, định kì trên lớp, vẫn phải thực hiện đủ 4 kỹ năng giao tiếp nghe, nói đọc hiểu, viết theo mục tiêu của việc dạy học ngoại ngữ. Do đề kiểm tra học kì ở khối lớp 12 do Sở GD&ĐT ra và đề thi tốt nghiệp THPT do Bộ GD&ĐT ra theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan với 4 lựa chọn, nên giáo viên cũng dành thời gian thích hợp để rèn luyện cho học sinh, nhất là ở khối lớp 12 về kỹ năng làm bài thi trắc nghiệm khách quan.

#### **3.3. Về sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học, ứng dụng CNTT.**

- Cần dạy cho học sinh kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng qua việc tổ chức một số hoạt động yêu cầu học sinh tự tìm kiếm thông tin trên mạng.
- Ứng dụng CNTT trong dạy học một cách thực chất và có hiệu quả bằng cách từng bước sử dụng máy chiếu và trình chiếu powerpoint trong việc dạy học.
- Tăng cường sử dụng các thiết bị nghe, nhìn (*máy cassette, đọc đĩa CD...*) theo thời khóa biểu quy định để rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh cho học sinh.
- Tăng cường sử dụng tranh ảnh và các đồ dùng dạy học khác để cung cấp kiến thức xã hội-văn hóa theo yêu cầu của việc dạy học ngoại ngữ và kiến thức ngôn ngữ cũng như hỗ trợ trong rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ.
- Ban Giám hiệu các trường cần mua sắm đủ máy cassette, máy nghe đĩa CD cần thiết cho dạy học ngoại ngữ và tạo điều kiện cho giáo viên sử dụng các thiết bị dạy học, tra cứu thông tin trên mạng; sử dụng kinh phí chi thường xuyên để mua tranh ảnh, đồ dùng dạy học cần thiết.

#### **3.4. Về phát hiện và phụ đạo học sinh yếu, kém môn tiếng Anh.**

- Việc phát hiện và phụ đạo học sinh yếu, kém phải được thực hiện sớm. Ban Giám hiệu các trường cần tổ chức phát hiện học sinh yếu, kém từ lớp 10 bằng cách tổ chức

kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào lớp 10, từ đó xác định đối tượng học sinh và nội dung cần phụ đạo. Cuối mỗi học kì và năm học cần đánh giá kết quả việc phụ đạo để có kế hoạch tổ chức tiếp theo.

- Đối với học sinh yếu, kém khối 12 năm học này, cần có kế hoạch phụ đạo sớm để chuẩn bị cho học sinh thi tốt nghiệp THPT.
- Việc tổ chức phụ đạo học sinh yếu, kém thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về dạy thêm, học thêm.

### 3.5. Việc bồi dưỡng giáo viên.

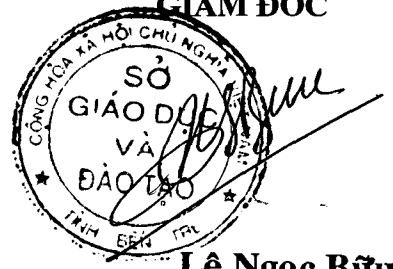
- Cần tổ chức thường xuyên các buổi trao đổi kinh nghiệm trong tổ chuyên môn rút kết qua dự giờ, thăm lớp; tổ chức các buổi bồi dưỡng chuyên đề trong tổ mà nòng cốt các giáo viên có kinh nghiệm chuyên môn, các giáo viên đã được đào tạo các chương trình thạc sĩ trong và ngoài nước (*chương trình thạc sĩ do Trung tâm SEAMEO Việt Nam tổ chức*), các giáo viên tổ mạng lưới chuyên môn tiếng Anh của Sở.
- Phối hợp với các giáo viên tổ mạng lưới chuyên môn tiếng Anh của Sở để trao đổi kinh nghiệm dạy học, xác định nhu cầu, nội dung cần bồi dưỡng chuyên môn để Sở GD&ĐT có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề về phương pháp, lý luận dạy học bộ môn, kỹ năng đứng lớp đáp ứng tốt hơn nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn mà giáo viên cần.

Trên đây là tổng hợp kết quả Hội thảo đánh giá thực trạng việc dạy và học môn tiếng Anh cấp THPT và một số hướng dẫn của Sở GD&ĐT để từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh ở các trường THPT. Ban Giám hiệu các trường THPT căn cứ nội dung thực hiện.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Ngọc Bửu**

**KẾT QUẢ HỌC TẬP BỘ MÔN TIẾNG ANH NĂM HỌC 2007-2008 VÀ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2008-2009**

**1.1 NĂM HỌC 2007-2008**

TT	TRƯỜNG THPT	LỚP 10				LỚP 11				LỚP 12			
		GIỎI %	KHÁ %	TB %	Y-K %	GIỎI %	KHÁ %	TB %	Y-K %	GIỎI %	KHÁ %	TB %	Y-K %
1	Chuyên Bến Tre	47.3	50.7	2.0	0	33	59.7	7.3	0	38.7	55	6.3	0
2	Nguyễn Đình Chiểu	13.4	39.9	39.4	7.3	9.8	45.4	38.3	6.9	10.5	41.2	43.5	4.8
3	Võ Trường Toản	2.0	7.0	24.4	66.8	0.5	7.0	34.3	58.2	1.7	17.2	43.8	37.3
4	Lạc Long Quân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hermann Gmeiner	4.9	22.2	45.7	27.2	6.9	12.5	43.1	37.5	3.3	8.3	58.3	30.1
6	Năng khiếu TDTT	2.6	5.3	44.7	47.4	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Trần Văn Ôn												
8	Châu Thành B	1.6	10.9	28.2	59.3	0.7	5.4	32.3	61.6	1.1	8.1	39.1	51.7
9	Mạc Đĩnh Chi	3.9	11.8	38.3	46.0	0	3.7	17.1	79.2	1.6	9.7	51.4	37.3
10	Nguyễn Huệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Bình Đại A	2.0	8.9	32.7	56.4	3.0	11.9	45.3	39.8	1.8	11.0	39.7	47.5
12	Lê Quý Đôn	0.8	15.4	34.0	49.8	3.5	16.5	59.0	21.0	1.9	12.2	50.3	35.6
13	Huỳnh Tân Phát	3.9	17.9	30.3	47.9	2.2	12.2	34.6	51.0	1.5	16.9	43.4	38.2
14	Phan Văn Trị	7.6	29.1	40.8	22.5	2.4	13.9	46.4	37.1	3.4	15.1	57.5	24.0
15	Nguyễn Thị Định	2.6	13.5	35.7	48.2	2.5	12.5	40.7	44.3	1.8	12.6	39.1	46.5
16	Nguyễn Ngọc Thăng	2.1	10.5	27.0	64.0	1.5	15.0	47.3	36.2	1.3	5.9	20.8	72.0
17	Nguyễn Trãi	5.9	22.2	38.5	33.4	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Phan Thanh Giản	8.9	19.9	34.8	36.4	4.0	16.6	36.5	42.9	3.0	21.7	43.4	31.9
19	Tán Kế	2.0	7.3	21.1	69.6	0.6	8.6	30.7	60.1	0.3	5.0	19.7	75.0
20	Sương Nguyệt Anh	2.0	6.9	21.7	69.4	0.2	3.5	10.8	85.4	0.7	8.4	36.7	54.9
21	Phan Ngọc Tông	0	3.0	8.2	88.8	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Chê Guêvara	9.7	20.4	30.1	39.8	3.5	14.6	39.0	42.9	5.6	12.5	50.9	31.0
23	An Thới	2.2	13.2	41.6	43.0	2.1	13.6	39.2	45.1	4.1	19.8	55.7	20.4
24	An Thạnh	7.1	18.9	34.1	39.9	0.8	6.5	24.6	68.9	1.8	10.9	37.5	49.8
25	Ngô Văn Cẩn	1.9	10.0	27.1	61.0	0	0	41.0	59.0	0	0	0	0
26	Lê Anh Xuân	4.5	17.0	35.2	43.3	30.5	14.5	43.2	11.8	0	5.6	29.9	64.5
27	Nguyễn Thị Minh Khai	7.8	19.6	50.5	22.1	5.9	13.7	54.1	26.3	3.3	18.8	48.5	29.4
28	Chợ Lách A	15.3	22.8	35.2	26.7	7.8	21.2	34.8	36.0	5.6	20.0	41.8	32.7
29	Trương Vĩnh Ký	4.8	14.7	37.5	43.3	2.7	10.3	43.9	43.0	3.6	13.9	30.0	50.0
30	Đoàn Thị Điểm	3.6	10.2	34.2	52.0	2.5	14.8	28.0	54.7	1.2	11.9	39.8	47.1
31	Lê Hoài Đôn	0.6	10.9	42.5	46.0	0.6	5.3	24.8	69.3	2.1	7.6	39.2	51.1
32	Giao Thạnh	1.9	14.3	36.6	47.2	0.43	7.8	37.5	54.3	1.8	11.7	43.1	43.5

1.2. HỌC KỲ I NĂM HỌC 2008-2009

TT	TRƯỜNG THPT	LỚP 10				LỚP 11				LỚP 12			
		GIỎI	KHÁ	TB	Y-K	GIỎI	KHÁ	TB	Y-K	GIỎI	KHÁ	TB	Y-K
1	Chuyên Bến Tre	29.4	51.7	18.9	0	33.9	63.3	2.8	0	39.3	58.0	2.7	0
2	Nguyễn Đình Chiểu	11.3	34.7	39.2	14.8	16.0	35.6	39.8	8.6	4.8	31.2	47.8	16.2
3	Võ Trường Toàn	0.3	5.7	31.7	62.3	0.8	6.5	20.9	71.8	0.5	5.1	27.6	66.7
4	Lạc Long Quân	11.2	2.3	13.4	73.1	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hermann Gmeiner	15.6	28.6	28.6	27.2	7.6	26.6	39.2	26.6	7.5	19.4	43.3	29.8
6	Năng khiếu TDTT	5.9	14.7	35.3	44.1	0	8.1	51.4	40.5	0	0	0	0
7	Trần Văn Ôn	5.3	20	41.2	33.5	6.3	24.2	28	44.5	2.6	13.2	28.6	55.6
8	Châu Thành B	3.9	14.5	33.5	48.1	1.9	11.9	40.0	46.2	1.5	6.0	35.2	57.3
9	Mạc Đĩnh Chi	3.0	17.0	34.8	45.2	2.2	14.1	37.5	46.2	0	6.3	41.1	52.3
10	Nguyễn Huệ	0	0.7	11.1	88.2	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Bình Đại A	1.4	10.8	21.6	66.2	2.6	16.5	39.9	41.0	1.0	7.2	35.6	56.2
12	Lê Quý Đôn	8.0	14.0	30.0	48.0	3.0	19.0	32.0	46.0	5.0	14.0	43.0	38.0
13	Huỳnh Tân Phát	8.6	14.8	25.9	50.7	14.1	23.8	35.6	26.5	2.9	11.8	36.7	48.6
14	Phan Văn Trị	9.3	36.7	42.7	11.3	6.8	18.0	40.0	35.2	1.3	9.7	53.0	36.0
15	Nguyễn Thị Định	7.8	22.7	51.8	17.7	7.5	14.5	23.6	54.4	1.2	5.2	27.5	66.1
16	Nguyễn Ngọc Thăng	2.2	6.0	21.2	70.6	2.4	14.0	29.3	54.3	1.1	9.5	25.5	63.9
17	Nguyễn Trãi	1.2	11.0	36.3	51.5	3.7	14.7	36.5	45.1	0	0	0	0
18	Phan Thanh Giản	8.6	20.4	28.9	42.1	3.0	13.0	31.0	53.0	4.3	16.3	38.2	41.3
19	Tán Kế	1.8	7.4	22.4	68.4	2.1	10.8	27.0	60.1	0.3	3.6	15.5	80.6
20	Sương Nguyệt Anh	2.0	7.7	20.6	69.7	2.3	14.3	26.8	56.6	0	2.7	13.6	83.7
21	Phan Ngọc Tông	0	1.1	8.9	90.0	0.7	3.6	15.2	80.5	0	0	0	0
22	Chê Guêvara	21.9	32.9	34.8	10.4	12.2	28.6	34.4	24.8	4.6	21.2	36.7	37.5
23	An Thới	2.4	8.3	20.5	68.8	4.0	12.0	31.4	52.6	2.7	10.7	33.3	53.3
24	An Thạnh	3.2	10.3	19.2	67.3	2.0	8.2	27.2	62.6	1.8	7.6	30.0	60.6
25	Ngô Văn Cẩn	2.0	11.2	27.9	56.2	3.4	14.6	33.6	48.4	1.6	13.7	32.3	52.4
26	Lê Anh Xuân	2.8	10.0	25.2	62.0	5.4	18.9	29.1	46.6	0	6.8	26.5	66.7
27	Nguyễn Thị Minh Khai	5.1	10.5	35.9	48.5	5.2	16.1	32.4	46.3	2.8	13.0	42.1	42.1
28	Chợ Lách A	9.8	20.4	36.6	33.1	10.0	17.9	29.3	42.8	6.4	19.1	32.6	41.7
29	Trương Vĩnh Ký	4.3	10.3	25.7	60.0	3.6	13.9	30.0	50.0	2.1	10.6	23.4	58.1
30	Đoàn Thị Điểm	5.0	8.0	22.0	65.0	7.4	17.6	32.7	42.3	1.9	5.3	29.2	63.6
31	Lê Hoài Đôn	3.6	9.6	23.7	63.1	0.5	8.2	32.7	58.6	0.9	5.6	33.3	60.2
32	Giao Thạnh	0.7	7.0	17.7	74.6	2.9	11.0	29.8	26.3	0.5	2.6	23.2	73.7